

## LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1986, Việt Nam chuyển cơ chế kinh tế từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Cùng với sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường một loạt những phạm trù mới xuất hiện khác hẳn với nền kinh tế tập trung bao cấp trước đây đặc biệt là vấn đề lợi nhuận. Chúng ta đã một thời coi lợi nhuận là một cái gì đó xấu xa, là một phạm trù hoàn toàn xa lạ với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hiện nay nước ta đang vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước thì lợi nhuận là vấn đề trung tâm. Nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân khi bắt tay vào sản xuất kinh doanh đều muốn thu lợi nhuận. Lợi nhuận là mục đích của mọi ngành nghề, mọi nhà kinh doanh. Lợi nhuận là phần thưởng cho sự lao động, sáng tạo, năng động của con người trong quá trình sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận có vai trò nhất định trong nền kinh tế hiện nay. Vậy nguồn gốc, bản chất lợi nhuận là gì và vai trò của lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường hiện nay như thế nào là vấn đề mà đề án này đề cập tới.

# I. NGUỒN GỐC BẢN CHẤT CỦA LỢI NHUẬN

## 1. Các quan điểm trước Mác về lợi nhuận.

Lợi nhuận xuất hiện từ rất lâu cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hoá. Trước Mác có rất nhiều quan điểm của các trường phái khác nhau về vấn đề lợi nhuận.

### a. Quan điểm của nghĩa trọng thương về lợi nhuận.

Chủ nghĩa trọng thương là tư tưởng kinh tế của giai cấp tư sản trong giai đoạn phương thức sản xuất phong kiến tan rã và chủ nghĩa tư bản ra đời. Nguyên lý cơ bản trong học thuyết của những người trọng thương; lợi nhuận được tạo ra trong lĩnh vực lưu thông, nó là kết quả của trao đổi không ngang giá, do lừa gạt mà có. Những người trọng thương cho rằng". Trong hoạt động thương nghiệp phải có một bên được một bên mất, dân tộc này làm giàu thì dân tộc khác phải chịu thiệt thòi. Trong hoạt động thương nghiệp, nội thương có tác dụng phân phối lại của cải từ túi người này sang túi người khác, chỉ có ngoại thương mới đem lại của cải cho quốc gia. Những người theo chủ nghĩa trọng thương quan niệm rằng tiền tệ là tiêu chuẩn căn bản của cải dân tộc; xuất khẩu tiền tệ ra nước ngoài thì làm giảm của cải, nhập khẩu tiền tệ thì làm tăng của cải. Xuất phát từ quan điểm ấy, chủ nghĩa trọng thương trong thời kỳ đầu - với thuyết bảng cân đối tiền tệ - chủ trương cấm xuất khẩu tiền ra nước ngoài. Họ cho rằng điều kiện cần thiết để tăng của cải trong nước là bảng cân đối nhập siêu (tiền nhập vượt mức xuất). Thời kỳ cuối trường phái trọng thương - với thuyết bảng cân đối thương mại - không phản đối việc xuất khẩu tiền tệ và cần thiết để tăng thêm của cải trong nước. Để tăng thêm của cải, một nước không nên nhập khẩu hàng hoá nhiều hơn xuất khẩu. Tuy nhiên, từ giữa thế kỷ XVII trở đi, chủ nghĩa trọng thương dần dần tan rã, theo đà phát triển của chủ nghĩa tư bản, cách thức chủ yếu để tăng thêm của cải không đơn thuần là tích lũy tiền tệ nữa mà là tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa. Trung tâm, chú ý của các nhà kinh tế học ngày càng chuyển từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất.

### b. Quan điểm của trường phái cổ điển Anh về lợi nhuận.

Cùng với sự vận động và phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, học thuyết kinh tế của những người trọng thương trở thành phiến diện lỗi thời đòi hỏi phải có lý luận mới và trên cơ sở đó kinh tế chính trị học cổ điển Anh ra đời.

Trường phái cổ điển cho rằng lợi nhuận được sinh ra từ lĩnh vực sản xuất vật chất bằng cách bóc lột lao động sản xuất những người làm thuê. Giai cấp tư sản lúc này đã nhận thức được "Muốn giàu phải bóc lột lao động, lao động làm thuê của những người nghèo là nguồn gốc làm giàu vô tận cho những người giàu". William Petty, Adam Smith David Ricardo, những tác giả tiêu biểu của trường phái cổ điển Anh, đều nêu lên quan điểm của mình về lợi nhuận.

William Petty (1623 - 1678): phái trọng thương bỏ qua vấn đề địa tô nhưng Petty đã tìm thấy nguồn gốc của địa tô ở trong lĩnh vực sản xuất. Ông định nghĩa

địa tô là số chênh lệch giữa giá trị sản phẩm và chi phí sản xuất (bao gồm chi phí tiền lương, chi phí giồng má). Thực ra ông không rút ra được lợi nhuận kinh doanh ruộng đất nhưng theo logic có thể rút ra được kết luận, công nhân chỉ nhận được tiền lương tối thiểu số còn lại là lợi nhuận của địa chủ. Petty coi lợi tức là tô của tiền và cho rằng nó lệ thuộc vào mức địa tô (trên đất mà người ta có thể dùng tiền vay để mua). Ông coi lợi tức là số tiền thưởng, trả cho sự nhịn ăn tiêu, coi lợi tức cũng như tiền thuê ruộng.

Adam Smith (1723 - 1790): Theo Adam Smith, lợi nhuận là " khoản khấu trừ thứ hai" vào sản phẩm của người lao động, là một trong những nguồn gốc đầu tiên của thu nhập cũng như của mọi giá trị trao đổi. Ông cho rằng giá cả lao động nông nghiệp và lao động công nghiệp đều tạo ra lợi nhuận. Smith coi lợi nhuận trong nhiều trường hợp chỉ là món tiền thưởng cho việc mạo hiểm và cho lao động khi đầu tư tư bản. Lợi nhuận do toàn bộ tư bản đẻ ra. Lợi nhuận tăng hay giảm tùy thuộc vào sự giàu có tăng hay giảm của xã hội. Ông thừa nhận sự đối lập giữa tiền công và lợi nhuận. Smith đã nhìn thấy " khuynh hướng thường xuyên đi đến chỗ ngang nhau" của tỷ suất lợi nhuận trên cơ sở cạnh tranh giữa các ngành và khuynh hướng tỷ suất lợi nhuận giảm sút. Theo Ông tư bản đầu tư càng nhiều thì tỷ suất lợi nhuận càng thấp.

David Ricardo (1772 - 1823): Ricardo cho rằng lợi nhuận là phần giá trị thừa ra ngoài tiền công. Ông coi lợi nhuận là lao động không được trả công của công nhân. Ricardo đã có những nhận xét tiến gần đến lợi nhuận bình quân, ông cho rằng những tư bản có đại lượng bằng nhau thì đem lại lợi nhuận như nhau. Giữa tiền lương và lợi nhuận có sự đối kháng; năng suất lao động tăng lên thì tiền lương giảm và lợi nhuận tăng. Mặc dù ông chưa biết đến phạm trù giá trị thặng dư nhưng trước sau vẫn nhất quán quan điểm cho rằng giá trị do công nhân tạo ra lớn hơn số tiền mà họ nhận được.

## 2. Lý luận về lợi nhuận của Mác.

Mác đã kế thừa những hạt nhân hợp lý của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển, phát triển nó một cách xuất sắc và thực hiện một cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế chính trị học.

### a. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Để tạo ra giá trị hàng hoá cần phải chi một số lao động nhất định là lao động quá khứ và lao động hiện tại.

Lao động quá khứ (lao động vật hoá) tức là giá trị của tư liệu sản xuất (c). Giá trị của tư liệu sản xuất nhờ lao động cụ thể của công nhân được bảo tồn và di chuyển vào giá trị của sản phẩm mới.

Lao động hiện tại (lao động sống) tức là lao động tạo ra giá trị mới (v+m). Giá trị mới này là do lao động trừu tượng của công nhân tạo ra trong quá trình lao động.



Phần giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động, nó bằng giá trị sức lao động cộng thêm với giá trị thặng dư.

Như vậy đứng trên quan điểm xã hội mà xét thì chi phí thực tế để sản xuất ra hàng hoá ( $c+v+m$ ).

Trên thực tế, nhà tư bản ứng tư bản để sản xuất hàng hoá tức là họ ứng ra một số tư bản để mua tư liệu sản xuất ( $c$ ) và mua sức lao động ( $v$ ). Do đó nhà tư bản chỉ xem hao phí hết bao nhiêu tư bản chứ không tính xem hao phí hết bao nhiêu lao động xã hội. Mác gọi chi phí đó là chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa và ký hiệu bằng  $k$  ( $k=c+v$ ).

Vậy chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là chi phí về tư bản mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hoá.

Khi xuất hiện chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa thì công thức giá trị hàng hoá ( $gt=c+v+m$ ) chuyển thành ( $gt=k+m$ ).

**b. Quá trình tạo ra giá trị thặng dư.**

Giá trị thặng dư là giá trị mới đã ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không. Để hiểu rõ về quá trình ra giá trị thặng dư ta xét bài toán sau.

Giả định để sản xuất ra 10 kg sợi cần 10kg bông, giá 10kg bông là 10 đôla. để biến số bông đó thành sợi, một công nhân phải lao động trong 6giờ và hao mòn máy móc là 2 đôla, giá trị sức lao động trong một ngày lao động của công nhân là 3 đôla; trong một giờ lao động người công nhân tạo ra một giá là 0,5 đôla; Cuối cùng ta giả định rằng trong quá trình sản xuất sợi đã hao phí theo thời gian lao động xã hội cần thiết.

Với giả định như vậy, nếu quá trình lao động chỉ kéo dài đến cái điểm mà ở đó bù đắp được giá trị sức lao động (6giờ) thì chưa sản xuất ra giá trị thặng dư. Trên thực tế quá trình lao động không dừng lại ở đó. Nhà tư bản đã trả tiền mua sức lao động trong một ngày. Vậy việc sử dụng các sức lao động trong ngày thuộc về nhà tư bản.

Chẳng hạn nhà tư bản bắt công nhân lao động trong 12 giờ trong một ngày thì

Chi phí sản xuất	Giá trị của sản phẩm mới
Tiền mua bông:20 đôla	Giá trị của bông được chuyển vào sợi:20đôla
Hao mòn máy móc:4 đôla	Giá trị của máy móc được chuyển vào sợi: 4đôla
Tiền mua sức lao động trong một ngày :3 đôla	Giá trị do lao động của công tạo ra trong 12 giờ lao động alf :6 đôla
Cộng :27 đôla	Cộng 30 đô la

Như vậy toàn bộ chi phí của nhà tư bản để mua sức lao động và tư liệu sản xuất là 27 đôla . Trong mười 12 giờ lao động công nhân tạo ra một sản phẩm mới

(20kg sợi) có giá trị bằng 30 đôla lớn hơn giá trị ứng trước là 3đôla. 27 đôla ứng trước chuyển thành 30 đôla mang lại giá trị thặng dư là 3 đôla. Khi bán sản phẩm thì nhà tư bản sẽ thu được lợi nhuận là :  $30 - 27 = 3$ đôla

Như vậy nguồn gốc của lợi nhuận là tư lao động thặng dư của công nhân và bản chất của lợi nhuận là giá trị thặng dư.

### c. Lợi nhuận:

Giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn có một khoảng chênh lệch, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn nhỏ hơn chi phí thực tế hay giá trị của hàng hoá,  $(c+v) < (c+V+m)$ , cho nên sau khi bán hàng hoá nhà tư bản không những bù đắp đủ số tư bản đã ứng ra mà còn thu được số tiền lời ngang bằng với giá trị thặng dư. Số tiền này gọi là lợi nhuận.

Nếu ký hiệu lợi nhuận là P thì công thức:

$gt = (c+v+m) = k+m$  bây giờ sẽ chuyển thành  $gt = k+P$  (hay giá trị hàng hoá bằng chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa cộng với lợi nhuận)

Giá trị thặng dư được so với toàn bộ tư bản ứng trước, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước sẽ mang hình thức chuyển hoá là lợi nhuận.

### d. Sự che giấu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa của phạm trù lợi nhuận. $gt = c+v+m = k+m = k+P$ .

Thoạt nhìn công thức, ta thấy rằng lợi nhuận và giá trị thặng dư chỉ là một : lợi nhuận chẳng qua là một hình thái thần bí hóa của giá trị thặng dư, hình thái mà phương thức sản xuất tư bản nghĩa tất phải đẻ ra. Mặc dù m và p đều có chung một nguồn gốc là kết quả lao động không công của công nhân làm thuê nhưng bản chất của m và p hoàn toàn khác nhau, m phản ánh nguồn gốc sinh ra từ v còn p thì được xem như toàn bộ tư bản ứng trước đẻ ra, do đó p đã che giấu quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa che giấu nguồn gốc thực sự của nó. Điều đó là do những nguyên nhân sau:

Một là, sự hình thành chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xoá nhoà sự khác nhau giữa c và v. Chúng ta biết rằng v tạo ra m nhưng khi chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành thì sự khác nhau giữa c và v biến mất nên việc p được sinh ra trong quá trình sản xuất nhờ bộ phận v bây giờ trở thành con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước. Lao động là nguồn gốc của giá trị thì biến mất và giờ đây hình như toàn bộ chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa sinh ra p.

Hai là, do chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn nhỏ hơn chi phí sản xuất thực tế cho nên nhà tư bản chỉ cần bán hàng hoá với giá cao hơn chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là đã có lợi nhuận.

Nếu nhà tư bản bán hàng với giá cao hơn giá trị thì  $m < p$

Nếu nhà tư bản bán hàng với giá thấp hơn giá trị thì  $m > p$

Nếu nhà tư bản bán hàng với giá bằng giá trị thì  $m = p$

Chính sự không nhất trí giữa m và p che dấu thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời nó tạo ra ảo giác rằng lợi nhuận là do lưu thông tạo ra do tài kinh doanh của nhà tư bản mà có.

### e. Tỷ suất lợi nhuận và vai trò của tỷ suất lợi nhuận trong đời sống.

Trên thực tế các nhà tư bản không chỉ quan tâm tới lợi nhuận và còn quan tâm tới tỷ suất lợi nhuận.

Tỷ suất lợi nhuận là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước.

Nếu lý luận tỷ suất lợi nhuận là  $p'$  ta có

$$p' = \frac{m}{m'} \times 100\%$$

Giữa  $p'$  và  $m'$  có sự khác nhau:

Về mặt lượng  $p'$  luôn nhỏ hơn  $m'$ , vì

$$p' = \frac{m}{m'} \times 100\% \quad m' = \frac{m}{m} \times 100\%$$

Về mặt chất:  $m'$  phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê còn  $p'$  không thể phản ánh được điều đó mà nó chỉ nói lên mức lãi của việc đầu tư tư bản.

Việc theo đuổi tỷ suất lợi nhuận cao là động lực thúc đẩy các nhà tư bản là mục tiêu cạnh tranh của các nhà tư bản. Tỷ suất lợi nhuận cao hay thấp còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố khách quan: tỷ suất giá trị thặng dư; sự tiết kiệm tư bản biến chất; cấu tạo hữu cơ của tư bản; tốc độ chu chuyển của tư bản.

Vai trò của tỷ suất lợi nhuận trong đời sống:

Tỷ suất lợi nhuận tỷ lệ nghịch với sự nâng cao cấu tạo hữu cơ của tư bản, tức là trong trường hợp các điều kiện khác không đổi cấu tạo hữu cơ của tư bản càng thấp thì tỷ suất lợi nhuận càng cao nhưng trong một xí nghiệp cá biệt cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên sẽ dẫn tới nâng cao năng suất lao động trong xí nghiệp ấy, dẫn tới giá trị cá biệt của hàng hoá do xí nghiệp sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội và làm cho xí nghiệp thu được lợi nhuận siêu ngạch. Do đó thúc đẩy sự tiến bộ kỹ thuật, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đồng thời trình độ của người lao động cũng được nâng cao.

Tỷ suất lợi nhuận cao hay thấp sẽ quyết định thu nhập của xí nghiệp nhiều hay ít. Trong trường hợp các điều kiện khác không đổi, thời gian sản xuất và thời gian lưu thông càng rút ngắn thì lợi nhuận của xí nghiệp càng cao và ngược lại. Do đó trong khâu sản xuất các xí nghiệp tích cực tìm tòi, không ngừng sáng kiến và chủ động áp dụng những thành tựu khoa học mới, bồi dưỡng đào tạo nhân lực để rút ngắn thời gian sản xuất thực hiện hợp tác hoá sản xuất không riêng gì những người lao động trong xí nghiệp mà ngay cả lao động của toàn thể các thành viên trong xã hội cũng đều hợp tác hoá với nhau một cách có kế hoạch sử dụng hợp lý sức lao động, bố trí người một cách có kế hoạch và làm cho họ đều chuyên môn hoá tạo ra những hình



thức mới tiên tiến trong việc tổ chức sản xuất và lao động. Đồng thời nó còn phát huy rộng rãi tính chủ động tích cực sáng tạo của người lao động. Không chỉ rút ngắn thời gian sản xuất mà xí nghiệp còn rút ngắn thời gian lưu thông nhằm tăng thu nhập của xí nghiệp.

## f. Tỷ suất lợi nhuận bình quân và sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình

### quân

Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ suất tính theo % giá tổng giá trị thặng dư trong xã hội tư bản và tổng tư bản xã hội đầu tư vào tất cả các lĩnh vực các ngành của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nếu ký hiệu  $p'$  là tỷ suất lợi nhuận bình quân thì:

$$p' = \text{Error!} \times 100\%$$

Trong các ngành có cấu tạo hữu cơ tư bản cao hơn (với số tư bản bằng nhau) thì giá trị thặng dư được tạo ra ít hơn so với các ngành có cấu tạo hữu cơ thấp. Việc hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân có nghĩa là phân phối lại giá trị thặng dư giữa các nhà tư bản trong các ngành sản xuất khác nhau theo nguyên tắc: tư bản bằng nhau thì lợi nhuận bằng nhau.

Tỷ suất lợi nhuận bình quân hình thành dưới ảnh hưởng của sự cạnh tranh giữa các ngành thông qua việc tư bản di chuyển một cách tự phát từ ngành có tỷ suất lợi nhuận thấp sang ngành có tỷ suất lợi nhuận cao. Việc bình quân hoá tỷ suất lợi nhuận làm cho hàng hoá không bán theo giá trị mà bán theo giá cả sản xuất. Tỷ suất lợi nhuận bình quân trong quá trình cạnh tranh giữa các nhà tư bản nó thể hiện lợi ích chung của giai cấp nhà tư bản trong việc tăng cường bóc lột nhân dân lao động. Cùng với sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên, do đó tỷ suất lợi nhuận bình quân có xu hướng giảm xuống. Bằng cách bóc lột công nhân nhà tư bản ra sức ngăn cản sự giảm xuống của tỷ suất lợi nhuận. Phạm trù tỷ suất lợi nhuận bình quân còn che dấu hơn nữa quan hệ bóc lột, che dấu hơn nữa nguồn gốc thực sự trong việc làm giàu của nhà tư bản. Mác là người đầu tiên phân tích một cách khoa học phạm trù tỷ suất lợi nhuận bình quân, ông đã vạch trần những luận điệu giả dối của các nhà kinh tế học tư sản cho rằng lợi nhuận không phải là kết quả của sự bóc lột và chỉ rõ rằng lợi nhuận là hình thức của giá trị thặng dư và vạch ra những mâu thuẫn giai cấp gắn liền với tham vọng theo đuổi lợi nhuận lớn nhất của nhà tư bản.

Sự hoạt động của qui luật tỷ suất lợi nhuận bình quân là biểu hiện cụ thể của sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư trong thời kỳ tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản. Mác viết "... Những tỷ suất lợi nhuận hình thành trong những ngành sản xuất khác nhau, lúc đầu rất khác nhau. Do ảnh hưởng của cạnh tranh những tỷ suất lợi nhuận khác nhau đó san bằng thành tỷ suất lợi nhuận chung, đó là con số



trung bình của tất cả các tỷ suất lợi nhuận khác nhau. Lợi nhuận của một tư bản có một lượng nhất định thu được căn cứ theo tỷ suất lợi nhuận chung đó, không kể cấu tạo hữu cơ của nó như thế nào gọi là lợi nhuận bình quân".

Giả sử có ba nhà tư bản ở ba ngành sản xuất khác nhau tư bản mỗi ngành đều bằng nhau và bằng 100, tỷ suất giá trị thặng dư đều bằng 100%. Tốc độ chu chuyển củ tư bản ở các ngành đều như nhau. Tư bản ứng trước đều chuyển hết giá trị vào sản phẩm. Nhưng do cấu tạo hữu cơ của tư bản ở từng ngành khác nhau nên tỷ suất lợi nhuận khác nhau.

Ngành sản xuất	Chi phí sản xuất	Giá trị thặng dư với $m' = 100\%$	$p'(\%)$
Cơ khí	$80c+20v$	20	20
Dệt	$70c + 30v$	30	30
Da	$60c + 40v$	40	40

Như vậy cùng một lượng tư bản đầu tư nhưng do cấu tạo hữu cơ khác nhau nên tỉ suất lợi nhuận khác nhau. Nhà tư bản không thể đứng yên ở những ngành có tỷ suất lợi nhuận thấp. Trong ví dụ trên các nhà tư bản ở ngành cơ khí sẽ di chuyển tư bản của mình sang ngành da làm cho sản phẩm của ngành da nhiều lên (cung lớn hơn cầu) do đó giá cả hàng hoá ở ngành da sẽ hạ xuống thấp hơn giá trị của nó, và tỉ suất lợi nhuận ở ngành này sẽ giảm xuống. Ngược lại sản phẩm ở ngành cơ khí sẽ giảm đi (cung thấp hơn cầu) nên giá cả sẽ cao hơn giá trị và do đó tỉ suất lợi nhuận ở ngành cơ khí sẽ tăng lên. Như vậy hiện tượng di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác làm cho ngành có cung (hàng hoá) lớn hơn cầu (hàng hoá) thì giá cả giảm xuống còn ngành có cầu (hàng hoá) lớn hơn cung (hàng hoá) thì giá cả tăng lên. Sự di chuyển tự do tư bản từ ngành này sang ngành khác làm thay đổi tỷ suất lợi nhuận cá biệt của các ngành. Kết quả hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân.

**g. Sự chuyển hoá giá trị thành giá cả sản xuất**

Giá cả sản xuất của hàng hoá bằng chi phí sản xuất của hàng hoá cộng với lợi nhuận bình quân ( $\text{giá cả sản xuất} = k + p$ )

Giá cả thị trường lên xuống xung quanh giá cả sản xuất

Việc biến giá trị thành giá cả sản xuất là kết quả sự phát triển lịch sử của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản đầu tư vào các ngành kinh tế khác nhau có cấu tạo hữu cơ của tư bản không giống nhau việc chuyển tư bản từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác làm cho số tư bản bỏ ra bằng nhau thu được lợi nhuận ngang nhau tức là lợi nhuận bình quân. Ngoài ra trong một thời gian nhất định tổng giá cả sản xuất bằng tổng số giá trị của tất cả các hàng hoá. Giá cả sản xuất là hình thức biểu hiện cụ thể của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư.

Quá trình hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất có thể tóm tắt như sau.

Ngành sản xuất	Tư bản bất biến (c)	Tư bản khả biến (V)	m với $m' = 100\%$	Giá trị hàng hoá	P (%)	Giá cả hàng hoá	chênh lệch giữa giá cả sản xuất và giá trị
Cơ khí	80	20	20	120	30	130	+10
Dệt	70	30	30	130	30	130	0
Da	60	40	40	140	30	130	-10
Tổng số	210	90	90	390			0

#### **h. Ý nghĩa cách mạng của lý luận lợi nhuận bình quân.**

Với một lượng tư bản nhất định bỏ vào đầu tư ở các ngành sản xuất khác nhau thu được lợi nhuận như căn cứ theo tỷ suất lợi nhuận bình quân không kể cấu tạo hữu cơ của nó như thế nào. Tỷ suất lợi nhuận bình quân hình thành trong quá trình cạnh tranh giữa các nhà tư bản nó thể hiện lợi ích chung của giai cấp nhà tư bản trong việc bóc lột nhân dân lao động. Sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân làm giá trị hàng hoá chuyển thành giá cả sản xuất.

### **3. Các hình thức của lợi nhuận**

#### **a. Lợi nhuận công nghiệp**

Lợi nhuận công nghiệp là phần giá trị thặng dư do công nhân tạo ra trong lĩnh vực công nghiệp và bị nhà tư bản chiếm không. Thời gian lao động trong ngày của công nhân chia làm hai phần: một phần thời gian lao động trong ngày công nhân tạo ra một lượng giá trị ngang bằng với giá trị sức lao động. Phần còn lại của ngày là phần lao động thặng dư, lao động trong khoảng thời gian này là lao động thặng dư. Phần lao động thặng dư của công nhân thuộc về nhà tư bản. Khi hàng hoá được bán trên thị trường thì phần giá trị thặng dư này mang hình thức là lợi nhuận. Lợi nhuận cao luôn là mục đích của nhà tư bản cho nên nhà tư bản tìm ra hai phương pháp để làm tăng lợi nhuận đó là sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

#### **b. Lợi nhuận thương nghiệp.**

Lợi nhuận thương nghiệp là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong lĩnh vực sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp nhường cho nhà tư bản thương nghiệp. Lợi

nhuận thương nghiệp có nguồn gốc từ trong lĩnh vực sản xuất, nó là số chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hoá. Nhưng điều đó không có nghĩa là nhà tư bản

thương nghiệp bán hàng hoá cao hơn giá trị của nó, mà là nhà tư bản thương nghiệp mua hàng hoá thấp hơn giá trị và khi bán thì anh ta bán đúng giá trị của nó.

Nhà tư bản công nghiệp luôn tìm ra các phương pháp sản xuất để làm tăng lợi nhuận. Vậy tại sao nhà tư bản công nghiệp lại chịu nhường một phần lợi nhuận cho nhà tư bản thương nghiệp. Sở dĩ nhà tư bản công nghiệp bằng lòng nhường một phần lợi nhuận cho nhà tư bản thương nghiệp là do nhà tư bản thương nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhà tư bản công nghiệp.

Tư bản thương nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, đó là một khâu, một giai đoạn của quá trình sản xuất, không có giai đoạn này thì quá trình sản xuất không thể tiếp diễn được. Tư bản thương nghiệp chuyên trách nhiệm vụ lưu thông hàng hoá phục vụ cho nhiều nhà tư bản cùng một lúc do vậy lương tư bản và các chi phí bỏ vào lưu thông sẽ giảm đi rất nhiều do đó tư bản của từng nhà tư bản công nghiệp cũng như của toàn xã hội bỏ vào sản xuất sẽ tăng lên, qui mô sản xuất mở rộng và lợi nhuận cũng tăng lên. Mặt khác chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng càng gay gắt do đó cần phải có các nhà tư bản biết tính toán, am hiểu được nhu cầu thị trường, biết kỹ thuật thương mại... chỉ có tư bản thương nghiệp đáp ứng được các yêu cầu đó.

Đối với nhà tư bản công nghiệp, khi lĩnh vực lưu thông đã có tư bản thương nghiệp đảm nhiệm nên rảnh tay trong lưu thông chỉ tập trung vào đẩy mạnh sản xuất, do đó lợi nhuận cũng tăng lên.

### c. Lợi nhuận ngân hàng

Ngân hàng tư bản chủ nghĩa là tổ chức kinh doanh tư bản tiền tệ làm môi giới giữa người đi vay và người cho vay. Trong nghiệp vụ nhận gửi ngân hàng trả lợi tức cho người gửi tiền vào, còn trong nghiệp vụ cho vay ngân hàng thu lợi tức cho người đi vay. Lợi tức nhận gửi bao giờ cũng nhỏ hơn lợi tức cho vay.

Lợi nhuận ngân hàng là chênh lệch giữa lợi tức cho vay và lợi tức nhận gửi trừ đi các khoản chi phí cần thiết về nghiệp vụ ngân hàng cộng với các khoản thu nhập khác về kinh doanh tiền tệ.

Lợi nhuận ngân hàng ngang bằng với lợi nhuận bình quân

Tư bản ngân hàng là tư bản hoạt động cho nên lợi nhuận ngân hàng hoạt động theo qui luật tỷ suất lợi nhuận bình quân.

### d. Lợi tức cho vay.

Có nhà tư bản cần tư bản để hoạt động bởi vì họ chưa có đủ vốn. Một số nhà tư bản có tiền nhưng chưa cần sử dụng vốn. Vì vậy nhà tư bản cần vốn để hoạt động sẽ đi vay còn nhà tư bản chưa sử dụng đến sẽ cho vay. Nhà tư bản đi vay (nhà tư bản hoạt động) vay tiền để sản xuất kinh doanh nên thu được lợi nhuận. Nhà tư bản cho vay đã nhượng quyền sử dụng tư bản của mình cho người khác trong một thời gian nhất định cho nên họ nhận được một số tiền lời do người đi vay trả cho họ. Số tiền lời gọi là lợi tức.



Lợi tức là một phần lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào món tiền nhà tư bản cho vay đã đưa cho nhà tư bản đi vay sử dụng.

Nguồn gốc của lợi tức là một phần giá trị thặng dư do công nhân sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất.

#### e. Địa tô

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ hình thành và thống trị trong lĩnh vực công nghiệp mà còn phát triển trong lĩnh vực nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp muốn kinh doanh thì phải thuê ruộng đất của địa chủ. Cũng như nhà tư bản kinh doanh trong công nghiệp nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp phải thuê đất cho nên ngoài lợi nhuận bình quân ra họ phải thu thêm được một phần giá trị thặng dư dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân gọi là lợi nhuận siêu ngạch. Lợi nhuận siêu ngạch này tương đối ổn định và lâu dài, họ phải trả nó cho chủ đất dưới hình thái địa tô.

Địa tô tư bản chủ nghĩa là một phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân của nhà tư bản kinh doanh ruộng đất.

Nguồn gốc của địa tô tư bản chủ nghĩa là kết quả của việc bóc lột công nhân làm thuê cho nông nghiệp.

## II. VAI TRÒ CỦA LỢI NHUẬN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

### 1. Tiến hành phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất

#### a. Quá trình chuyển từ kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hoá.

Kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá là hai hình thức tổ chức kinh tế - xã hội đã tồn tại trong lịch sử. Hai hình thức này được hình thành trên cơ sở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội trình độ phân công lao động xã hội trình độ phát triển và phạm vi của quan hệ trao đổi.

Trong nền kinh tế tự nhiên người sản xuất đồng thời là người tiêu dùng. Tự sản xuất tự tiêu dùng là đặc điểm nổi bật của kinh tế tự nhiên. Mục đích của sản xuất là tạo ra những giá trị sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của chính bản thân người sản xuất vì thế có thể nói quá trình sản xuất tự nhiên chỉ gồm có hai khâu: sản xuất - tiêu dùng. Các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế tự nhiên mang hình thái hiện vật.

Trong nền kinh tế hàng hoá mục đích của sản xuất là trao đổi hay là để bán. Mục đích đó được xác định trước quá trình sản xuất và có tính khách quan. Sản xuất và toàn bộ quá trình tái sản xuất đều gắn liền với thị trường.

So với kinh tế tự nhiên kinh tế hàng hoá có ưu điểm sau:

**Một là:** Trong kinh tế hàng hoá do có sự phát triển của phân công lao động xã hội cho nên sản xuất được chuyên môn hoá ngày càng cao, thị trường ngày càng mở rộng. Điều đó tạo điều kiện phát huy lợi thế so sánh của mỗi vùng, mỗi đơn vị sản





xuất, thúc đẩy việc cải tiến công cụ lao động nâng cao trình độ kỹ thuật mở rộng phạm vi sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển.

**Hai là:** Trong nền kinh tế hàng hoá mục đích của sản xuất không phải là để tiêu dùng cho chính bản thân người sản xuất mà là để thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Chính nhu cầu ngày càng tăng của thị trường đã làm hình thành động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của sản xuất hàng hoá. Nhu cầu tiêu dùng càng cao thì sản xuất phải mở rộng cả về chiều rộng và chiều sâu.

**Ba là:** Trong kinh tế hàng hoá, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Yêu cầu của cạnh tranh đòi hỏi những đơn vị sản xuất hàng hoá phải thường xuyên quan tâm tới năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm... để thu lợi nhuận ngày càng cao hơn. Cạnh tranh chạy theo lợi nhuận siêu ngạch đã làm lực lượng sản xuất có những bước tiến bộ dài.

**Bốn là:** Trong kinh tế hàng hoá, do sản xuất xã hội ngày càng phát triển, quan hệ hàng hoá tiền tệ ngày càng mở rộng cho nên sản phẩm hàng hoá ngày càng phong phú và đa dạng, giao lưu kinh tế và văn hoá giữa các vùng, các địa phương, các quốc gia ngày càng phát triển. Đời sống vật chất, tinh thần văn hoá của dân cư ngày càng được nâng cao.

Những tiền đề của quá trình chuyển từ kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hoá sự ra đời và phát triển của kinh tế hàng hoá là quá trình kinh tế khách quan. Nó bắt đầu khi kinh tế tự nhiên phát triển đến trình độ làm xuất hiện những tiền đề của kinh tế hàng hoá. Sự xuất hiện của kinh tế hàng hoá cũng chính là sự xuất hiện những tiền đề phủ định kinh tế tự nhiên và khẳng định kinh tế hàng hoá. Mỗi bước phát triển của kinh tế hàng hoá là một bước đẩy lùi kinh tế tự nhiên. Quá trình xuất hiện, vận động và phát triển của kinh tế hàng hoá diễn ra với sự tác động mạnh mẽ của những tiền đề sau:

Phân công lao động xã hội: Phân công lao động xã hội tạo ra những ngành nghề sản xuất khác nhau. Do phân công lao động xã hội cho nên mỗi người chuyên làm một việc trong một ngành với một nghề nhất định và chuyên sản xuất ra một số sản phẩm nhất định. Nhưng nhu cầu tiêu dùng của họ lại cần nhiều loại sản phẩm khác nhau. Để thoả mãn nhu cầu của mình những người sản xuất phải trao đổi sản phẩm cho nhau. Phân công lao động xã hội làm nảy sinh những quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất với nhau.

Sự độc lập tương đối về kinh tế giữa những người sản xuất: do phân công lao động xã hội và sự độc lập giữa những người sản xuất về kinh tế, cho nên quan hệ của những người sản xuất là quan hệ mâu thuẫn: họ vừa liên hệ, và phụ thuộc vào nhau vừa độc lập với nhau. Giải quyết mối quan hệ mâu thuẫn này tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ trao đổi dựa trên cơ sở giá trị nghĩa là dựa trên cơ sở trao đổi ngang giá.

Phân công lao động xã hội phát triển thì quan hệ trao đổi cũng được mở rộng và ngày càng phức tạp.

Phân công lao động xã hội phát triển dẫn tới sự ra đời của ngành thương nghiệp. Thương nghiệp phát triển làm cho sản xuất và lưu thông hàng hoá cùng với lưu thông tiền tệ phát triển.

Quan hệ trao đổi được mở rộng và phát triển đòi hỏi hệ thống giao thông vận tải cũng phải mở rộng và phát triển.

## **b. Quá trình chuyển từ kinh tế hàng hoá giản đơn sang kinh tế thị trường.**

Kinh tế hàng hoá và kinh tế thị trường chỉ khác nhau về trình độ phát triển. Kinh tế thị trường là hình thức phát triển cao của kinh tế hàng hoá. Kinh tế hàng hoá phát triển, điều đó có nghĩa là phạm trù hàng hoá tiền tệ và thị trường được phát triển và được mở rộng. Hàng hoá không chỉ bao gồm những sản phẩm đầu ra của sản xuất mà còn bao gồm cả các yếu tố đầu vào của sản xuất. Dung lượng thị trường và cơ cấu thị trường được mở rộng hoàn thiện. Mọi quan hệ kinh tế đều được tiền tệ hoá. Khi đó người ta gọi kinh tế hàng hoá là kinh tế thị trường.

Những điều kiện hình thành kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường được hình thành với những điều kiện sau:

**Một là**, sự xuất hiện hàng hoá sức lao động và thị trường sức lao động. Trước hết cần khẳng định sự xuất hiện của hàng hoá sức lao động là một tiến bộ lịch sử. Người lao động được tự do, anh ta có quyền làm chủ khả năng lao động của mình và là chủ thể bình đẳng trong việc thương lượng với người khác. Sự xuất hiện hàng hoá sức lao động dẫn tới sự hình thành kinh tế thị trường là vì:

Kinh tế thị trường là nền kinh tế phát triển. Nó có năng suất lao động cao, ngoài những sản phẩm cần thiết còn có những sản phẩm thặng dư. Chính sự xuất hiện hàng hoá sức lao động đã phản ánh điều đó, sự xuất hiện hàng hoá sức lao động phản ánh giai đoạn sản xuất đã phát triển trong đó năng suất lao động đã cao. Nhờ có sự xuất hiện của hàng hoá sức lao động và thị trường mà tiền tệ không chỉ đơn thuần là phương tiện lưu thông mà còn trở thành phương tiện làm tăng giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Với sự xuất hiện của hàng hoá sức lao động dẫn tới sự hình thành các yếu tố sản xuất một cách hoàn chỉnh, kinh tế thị trường ra đời.

Hai là, phải tích lũy được một số tiền nhất định và số tiền đó phải trở thành vốn để tiến hành sản xuất kinh doanh nhằm mục đích có lợi nhuận.

**Ba là**, kinh tế thị trường là kinh tế tiền tệ cho nên vai trò của tiền tệ vô cùng quan trọng. Để hình thành được nền kinh tế thị trường cần phải có hệ thống tài chính tín dụng ngân hàng tương đối phát triển.

**Bốn là**, sự hình thành phát triển kinh tế thị trường đòi hỏi phải có hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối phát triển, trên cơ sở đó mới đảm bảo lưu thông hàng hoá và lưu thông tiền tệ được thuận lợi dễ dàng.

**Năm là**, tăng cường vai trò kinh tế của Nhà nước. Nhà nước tạo ra môi trường và hành lang cho thị trường phát triển lành mạnh.

Với tất cả các tiền đề trên nền kinh tế thị trường được xã hội hoá cao, các quan hệ kinh tế mang hình thái phổ biến là quan hệ hàng hoá - tiền tệ và nó được tiền tệ hoá.

Những đặc trưng của kinh tế thị trường:

**Một là**: tính tự chủ của các chủ thể kinh tế rất cao. Các chủ thể kinh tế tự bù đắp những chi phí và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Các chủ thể kinh tế được tự do liên doanh liên kết tự do tổ chức quá trình sản xuất theo luật định.

**Hai là**: Trên thị trường hàng hoá rất phong phú. Người ta tự do mua bán hàng hoá. Sự đa dạng và phong phú về số lượng hàng hoá và chủng loại hàng hoá trên thị trường một mặt phản ánh trình độ cao của năng suất lao động xã hội mặt khác mức độ phát triển của quan hệ trao đổi, trình độ phân công lao động xã hội và sự phát triển của thị trường.

**Ba là**: Giá cả được hình thành ngay trên thị trường. Giá cả thị trường vừa là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị thị trường vừa chịu tác động của quan hệ cạnh tranh và quan hệ cung cầu hàng hoá dịch vụ. Trên cơ sở giá trị thị trường, giá cả là kết quả của sự thương lượng và thoả thuận giữa người mua và người bán. Trong quá trình trao đổi mua bán hàng hoá người bán luôn muốn bán với giá cao. Người mua buôn muốn mua với giá thấp. Đối với người bán giá cả phải đáp ứng nhu cầu bù đắp được chi phí và có doanh lợi. Chi phí sản xuất là giới hạn, là phần cứng của giá cả, doanh lợi càng nhiều càng tốt. Đối với người mua giá cả phải phù hợp với lợi ích giới hạn của họ giá cả thị trường chung hoà được cả lợi ích cả người bán và người mua.

**Bốn là**: Kinh tế thị trường là hệ thống kinh tế mở. Nó rất phong phú đa dạng, phức tạp và được điều hành bởi hệ thống luật pháp của Nhà nước.

**Năm là**: Cạnh tranh là một tất yếu của kinh tế thị trường. Nó tồn tại trên cơ sở những đơn vị sản xuất hàng hoá độc lập và khác nhau về lợi ích kinh tế. Theo yêu cầu của qui luật giá trị, tất cả các đơn vị sản xuất hàng hoá đều phải sản xuất và kinh doanh trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong điều kiện đó, muốn có nhiều lợi nhuận các đơn vị sản xuất và kinh doanh phải đua nhau cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động cá biệt, giảm hao phí lao động cá biệt nhằm thu lợi siêu ngạch.

Theo đuổi mức lợi nhuận cao là mục đích của mọi nền kinh tế thị trường.

Các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nhằm mục đích thu lợi nhuận cao. Để thu lợi nhuận cao các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh diễn ra một cách phổ biến trong cả lĩnh vực sản xuất và trong

cả lĩnh vực lưu thông. Cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất bao gồm cạnh tranh trong nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành.

Cạnh tranh trong nội bộ ngành là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành sản xuất cùng một loại sản phẩm, sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành sản xuất làm cho giá cả của hàng hoá hình thành phù hợp với giá trị xã hội hoặc giá trị thị trường của hàng hoá. Giá trị xã hội (giá trị thị trường) của hàng hoá là do điều kiện sản xuất trung bình chiếm địa vị thống trị, quyết định. Trong các xí nghiệp có kỹ thuật và tổ chức hoàn thiện hơn thì giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường. Nhờ kết quả của cạnh tranh trong nội bộ ngành, các xí nghiệp đó thu được lợi nhuận siêu ngạch. Các xí nghiệp sản xuất ra hàng hoá có giá trị cá biệt cao hơn giá trị thị trường sẽ không thể thực hiện được đầy đủ bộ phận giá trị thặng dư chứa đựng trong hàng hoá, thậm chí không bù lại được chi phí sản xuất. Lợi nhuận siêu ngạch mà các xí nghiệp có kỹ thuật hoàn thiện hơn thu được chỉ có tính chất tạm thời vì các xí nghiệp khác cũng ra sức áp dụng vào sản xuất những thiết bị kỹ thuật hoàn thiện hơn. Cạnh tranh trong nội bộ ngành là nhân tố tự phát thúc đẩy kỹ thuật phát triển và nâng cao năng suất lao động trong các xí nghiệp. Cạnh tranh trong nội bộ ngành là do việc theo đuổi mục đích làm giàu và tỷ suất lợi nhuận cao hơn quyết định. Bản thân sự cạnh tranh trong nội bộ ngành không tránh khỏi sự lãng phí rất lớn về sức người sức của. Cạnh tranh trong nội bộ ngành làm cho các xí nghiệp lớn loại trừ các xí nghiệp vừa và nhỏ. Sự cạnh tranh ấy dẫn tới sự tập trung sản xuất.

Cạnh tranh giữa các ngành là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong các ngành kinh tế khác nhau nhằm giành lấy lợi nhuận lớn nhất. Trong quá trình cạnh tranh giữa các ngành, tư bản tự phát di chuyển từ ngành này sang ngành khác do đó thực hiện sự phân phối tư bản giữa các ngành sản xuất khác nhau. Cuộc đấu tranh giữa các xí nghiệp là để sử dụng tư bản một cách có lợi nhất. Nếu như hậu quả trực tiếp của cạnh tranh trong nội bộ ngành là giá trị thị trường của một loại hàng hóa nào đó thì kết quả của sự cạnh tranh khác ngành là tư bản tự phát di chuyển từ ngày này sang ngành khác bình quân hoá tỷ suất lợi nhuận, hình thành tỷ suất lợi nhuận chung, thống nhất (hay bình quân) và giá cả sản xuất. Kết quả là trong các ngành sản xuất tư bản chủ nghĩa khác nhau, sự cạnh tranh giữa các ngành phản ánh mâu thuẫn giữa các nhà tư bản công nghiệp thuộc các ngành khác nhau trong việc phân chia giá trị thặng dư.

Ngoài cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất các xí nghiệp còn cạnh tranh với nhau trong cả lĩnh vực lưu thông. Cạnh tranh trong lĩnh vực lưu thông bao gồm: Cạnh tranh giữa những người tham gia trao đổi hàng hoá và dịch vụ trên thị trường (người bán với người bán, người mua với người mua). Hình thức cạnh tranh và các biện pháp cạnh tranh có thể rất đa dạng phong phú nhưng mục đích cuối cùng của cạnh tranh là lợi nhuận.

## 2. Nền kinh tế thị trường Việt Nam.

### a. Sự cần thiết khách quan chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Từ văn kiện đại hội VI Đảng và Nhà nước chủ trương xoá bỏ chế độ kế hoạch hoá tập trung - cơ chế quản lý kinh tế đã tồn tại ở nước ta trước đổi mới - để chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Trong mấy thập niên trước đây nền kinh tế nước ta được vận hành theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và đặc trưng của cơ chế này là:

Nhà nước giao cho các điều kiện của sản xuất như vật tư, tiền vốn, sức lao động cho các xí nghiệp để sản xuất kinh doanh. Nhà nước chỉ đạo việc sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp theo hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh. Các xí nghiệp tiến hành sản xuất và cố gắng hoàn thành chỉ tiêu, lãi nhà nước thu, lỗ nhà nước bù vì vậy nền kinh tế không có tính hiệu quả.

Các cơ quan quản lý cấp trên can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở nhưng không chịu trách nhiệm gì về mặt vật chất đối với các quyết định của mình.

Bỏ qua quan hệ hàng hoá - tiền tệ và hiệu quả kinh tế, quản lý nền kinh tế và kế hoạch hoá bằng chế độ cấp phát và giao nộp sản phẩm, quan hệ hiện vật là chủ yếu, do đó hạch toán kinh tế chỉ là hình thức. Chế độ bao cấp thực hiện dưới các hình thức: bao cấp qua giá, bao cấp qua tiền lương hiện vật (chế độ tem phiếu) và bao cấp qua cấp phát vốn của ngân sách mà không ràng buộc vật chất đối với người được cấp vốn.

Bộ máy quản lý rất chồng chéo, có nhiều cấp trung gian và kém năng động từ đó sinh ra một đội ngũ cán bộ kém năng lực quản lý, không thạo nghiệp vụ kinh doanh, nhưng phong cách thì quan liêu cửa quyền.

Cơ chế kế hoạch hoá tập trung đã tích góp những xu hướng tiêu cực, làm nảy sinh sự trì trệ, hình thành cơ chế kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội. Vấn đề đặt ra là phải đổi mới sâu sắc cơ chế đó. Đại hội lần VI của Đảng đưa ra phương hướng cơ bản của sự đổi mới và nó tiếp tục được đại hội VII của Đảng khẳng định "xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước".

### b. Cơ chế thị trường Việt Nam.

Cơ chế kinh tế ở nước ta là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Trong cơ chế thị trường có các nhân tố: Hàng hoá, dịch vụ, người mua bán từ đó mà hình thành nên các quan hệ hàng hoá - tiền tệ. Quan hệ mua bán biểu hiện trên thị trường là quan hệ cung cầu. Trong cơ chế thị trường hàng hoá dịch vụ đều có giá cả của nó. Cung cầu giá cả là phạm trù trung tâm trong cơ chế thị trường. Cạnh tranh là môi trường, lợi nhuận là động lực. Đảng ta chủ



trương cạnh tranh lành mạnh. cạnh tranh nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển không sử dụng những thủ đoạn phi pháp để dẫn tới sự phá sản hàng loạt.

Cơ chế kinh tế của nước ta là kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Cơ chế thị trường có nhiều điểm rất tích cực:

Kích thích tính năng động sáng tạo của các chủ thể kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động tự do của họ. Huy động các nguồn lực xã hội vào phát triển kinh tế.

Cạnh tranh thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy áp dụng công nghệ mới vào sản xuất nhờ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, nâng cao năng suất lao động.

Cơ chế thị trường tạo ra sự đa dạng phong phú về hàng hoá đáp ứng nhanh nhạy nhu cầu người tiêu dùng. Khai thông sự bình đẳng giữa người mua và người bán.

Cơ chế thị trường chấp nhận những chi phí sản xuất hợp lý chấp nhận hàng hoá có chất lượng cao. Cơ chế thị trường mềm dẻo hơn nhà nước và có khả năng thích nghi cao hơn khi những điều kiện kinh tế thay đổi làm thích ứng kịp thời sản xuất với nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực cơ chế thị trường ở Việt Nam vẫn có những hạn chế:

Trong cơ chế thị trường các doanh nghiệp hoạt động vì mục đích thu lợi nhuận tối đa vì vậy họ có thể lạm dụng tài nguyên của xã hội gây ô nhiễm môi trường sống mà xã hội phải gánh chịu.

Cơ chế thị trường phân hoá xã hội thành hai cực đối lập nhau một số ít người giàu và đa số người nghèo.

Cơ chế thị trường vẫn có những căn bệnh nan giải khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát.

Vì vậy mà cần phải có sự điều tiết quản lý của nhà nước để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những khuyết tật của kinh tế thị trường.

### ***3. Lợi nhuận trong cơ chế thị trường Việt Nam.***

Kinh tế thị trường Việt Nam cũng nhằm mục đích thu lợi nhuận. Lợi nhuận là mục tiêu là động lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên cơ chế thị trường Việt Nam không theo đuổi lợi nhuận một cách đơn thuần mà nó còn nhằm hai mục đích: đảm bảo hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh và kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội.

#### **a. Lợi nhuận là động lực chi phối hoạt động của doanh nghiệp.**

Doanh nghiệp là một đơn vị kinh doanh hàng hoá dịch vụ theo nhu cầu của thị trường và xã hội để đạt lợi nhuận tối đa và đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất. Một doanh nghiệp tiến hành kinh doanh có hiệu quả là doanh nghiệp thoả mãn được tối đa nhu cầu của thị trường và xã hội về hàng hoá dịch vụ trong giới hạn cho phép





của nguồn lực hiện có và thu được lợi nhuận nhiều nhất, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

Lợi nhuận là mục tiêu kinh tế cao nhất là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để cung cấp hàng hoá dịch vụ cho thị trường các nhà sản xuất phải bỏ tiền vốn trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Họ mong muốn chi phí cho các đầu vào ít nhất là bán hàng hoá với giá cao nhất để sau khi trừ đi các khoản chi phí còn số dư dôi để không chỉ sản xuất giản đơn mà còn tái sản xuất mở rộng không ngừng tích lũy phát triển sản xuất, cũng có tăng cường vị trí của mình trên thị trường.

Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được trong cạnh tranh cần phải giải quyết tốt ba vấn đề kinh tế căn bản: quyết định sản xuất cái gì, quyết định sản xuất như thế nào và quyết định sản xuất cho ai.

Quyết định cái gì đòi hỏi doanh nghiệp phải trả lời được câu hỏi sản xuất, loại hàng hoá gì với số lượng được bao nhiêu, bao giờ được sản xuất. Trên cơ sở nhu cầu của thị trường doanh nghiệp tính toán khả năng sản xuất và chi phí sản xuất tương ứng để lựa chọn và quyết định sản xuất và cung ứng cái mà thị trường cần có thể đạt được lợi nhuận cao. Giá cả thị trường là không tin có ý nghĩa đối với việc cung ứng những hàng hoá nào có lợi nhất cho cung cầu trên thị trường.

Quyết định sản xuất như thế nào nghĩa là do ai và những tài nguyên nào với hình thức công nghệ nào phương pháp sản xuất nào. Động cơ lợi nhuận đã khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm lựa chọn các đầu vào tốt nhất với chi phí thấp nhất lựa chọn các phương pháp sản xuất có hiệu quả nhất. Phương pháp kết hợp tất cả các đầu vào để sản xuất đầu ra nhanh nhất chất lượng cao nhất, chi phí thấp nhất. Để đứng vững và cạnh tranh thắng lợi trên thị trường các doanh nghiệp phải luôn đổi mới kỹ thuật công nghệ, nâng cao trình độ của công nhân và lao động quản lý nhằm tăng hàm lượng chất xám trong hàng hóa dịch vụ.

Quyết định sản xuất cho ai đòi hỏi phải xác định rõ, ai sẽ được hưởng và được lợi từ hàng hoá.

Khi theo đuổi mục tiêu lợi nhuận của mình doanh nghiệp thường xuyên chạy theo những cơ hội khác nhau mà nó có được chi phí cơ hội của việc theo đuổi, một cơ hội sẽ là sự bỏ qua cơ hội có lợi nhất sau cơ hội đã chọn. Khi một quyết định được thực hiện những cơ hội trong tương lai cũng thay đổi. Sự lựa chọn đúng đắn sẽ cho phép doanh nghiệp thu được lợi nhuận cao.

Lợi nhuận được xác định bằng tổng doanh thu trừ tổng chi phí cho nên các nhà sản xuất giảm chi phí tăng tổng doanh thu để thu lợi nhuận nhiều nhất.

Lợi nhuận là thu nhập mặc nhiên, là một phần thu nhập của doanh nghiệp về lao động của chính họ hoặc vốn đầu tư của chính họ nghĩa là các nhân tố sản xuất mà họ cung cấp.

Lợi nhuận là tiền thưởng cho việc chịu mạo hiểm là phần thu nhập về bảo hiểm khi vỡ nợ, sản xuất không ổn định.

Lợi nhuận bình thường là mức lợi nhuận chỉ vừa đủ để giữ cho nhà kinh doanh tiếp tục công việc của mình và tồn tại với tư cách là một bộ phận của tổng chi phí. Tất cả các khoản tiền mà nhà kinh doanh nhận được ngoài tổng chi phí (bao gồm cả lợi nhuận bình thường) là lợi nhuận siêu ngạch. Lợi nhuận siêu ngạch, lợi nhuận độc quyền đó là khoản thu nhập của sức mạnh thị trường hoặc sức mạnh độc quyền.

Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ kết quả và hiệu quả của quá trình kinh doanh kể từ lúc bắt đầu tìm kiếm nhu cầu thị trường chuẩn bị và tổ chức quá trình sản xuất kinh doanh đến khâu tổ chức bán hàng và dịch vụ cho thị trường. Nó phản ánh cả về mặt lượng và mặt chất của quá trình kinh doanh.

### **b. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận.**

Lợi nhuận của doanh nghiệp chịu tác động tổng hợp của nhiều nhân tố.

Trước hết là qui mô sản xuất hàng hoá dịch vụ. Quan hệ cung cầu về hàng hoá thay đổi sẽ làm cho giá cả thay đổi. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới việc quyết định qui mô sản xuất và tác động trực tiếp tới lợi nhuận doanh nghiệp.

Hai là giá cả và chất lượng các đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, thiết bị công nghệ) và phương pháp kết hợp các đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những vấn đề này tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất và đương nhiên tác động đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ba là giá bán hàng hoá, dịch vụ cùng toàn bộ hoạt động nhằm đẩy nhanh quá trình tiêu thụ và thu hồi vốn đặc biệt là hoạt động Marketing và công tác tài chính của doanh nghiệp.

### **c. ảnh hưởng của cơ chế thị trường đến việc thu lợi nhuận của doanh nghiệp.**

Cơ chế thị trường tạo ra sự cân bằng giữa giá cả của người sản xuất và giá cả mà người tiêu dùng có thể chấp nhận được. Nếu doanh nghiệp nắm bắt đúng thị trường thì lợi nhuận được đảm bảo. Giá cả luôn biến động nên cần phải nắm bắt nó một cách chính xác và có những phản ứng kịp thời.

Cơ chế thị trường tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự do di chuyển sang các ngành có lợi nhuận cao. Cơ chế thị trường tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự do di chuyển tư bản của mình sang ngành có tỷ suất lợi nhuận cao. Cơ chế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp năng động, cạnh tranh, vươn lên không ngừng cả về lượng và chất nghĩa là họ phải tìm tòi trong thị trường ngành nào có lợi nhuận cao và từ đó quyết định chuyển đổi sản xuất.

Cơ chế thị trường làm cho doanh nghiệp cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh là cuộc đấu tranh giữa những người sản xuất hàng hoá để giành điều kiện sản xuất và tiêu thụ có lợi hơn, cuộc đấu tranh giữa các xí nghiệp nhằm thu được lợi nhuận lớn nhất, phản ánh tính chất tự phát của sản xuất và trao đổi. Người sản xuất đưa ra thị

trường hàng hoá của mình và khách hàng sẽ bỏ phiếu cho sản phẩm của họ bằng tiền. Cạnh tranh làm cho doanh nghiệp phải đổi mới về kỹ thuật, công nghệ để tạo ra những sản phẩm mẫu mã đẹp phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, chất lượng tốt và một mức giá hợp lý để giành được phần thắng trên thị trường.

Cơ chế thị trường thực hiện bình tuyến tự nhiên và rất công bằng tức là doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh có lợi nhuận cao sẽ tiếp tục sản xuất và mở rộng doanh nghiệp còn những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ tự giác sẽ rời khỏi thương trường.

Tuy nhiên không một tâm huân chương nào lại không có mặt trái của nó và lợi nhuận cũng vậy. Mục đích của doanh nghiệp là thu lợi nhuận tối đa vì vậy mà họ có thể lạm dụng tài nguyên xã hội gây ô nhiễm môi trường sống của con người mà xã hội phải gánh chịu.

Trong quá trình sản xuất các doanh nghiệp chỉ quan tâm những mặt hàng có nhiều lợi nhuận do đó dẫn đến tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế, thất nghiệp, tệ nạn xã hội...

Cũng vì mục tiêu lợi nhuận tối đa một số doanh nghiệp trốn thuế, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng; dùng các thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật...

Mặt trái của lợi nhuận muốn được giải quyết cần phải có sự can thiệp của nhà nước.

#### **d. Các biện pháp để tăng lợi nhuận**

Có rất nhiều phương pháp khác nhau để thu lợi nhuận cao, mỗi doanh nghiệp có các biện pháp không giống nhau. Tuy nhiên có một số phương pháp cơ bản sau:

Doanh nghiệp phải nắm vững tâm lý thị hiếu khách hàng. Những sản phẩm mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, giá rẻ luôn được tiêu thụ rất nhanh. Muốn giành được phần thắng trên thị trường phải quan tâm tới chất lượng, mẫu mã, giá cả sản phẩm.

Đẩy nhanh thời gian sản xuất và thời gian lưu thông là một biện pháp hữu hiệu để thu lợi nhuận. Đẩy nhanh thời gian sản xuất bằng cách cải tiến kỹ thuật tăng cường áp dụng những kỹ thuật mới vào sản xuất không ngừng sáng kiến và nâng cao trình độ công nhân. Đẩy nhanh thời gian lưu thông bằng cách quảng cáo khuyến mại. Doanh nghiệp tạo ra những sản phẩm tốt để tạo uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và tạo ra những khách hàng thuỷ chung với sản phẩm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có nhân viên có lành nghề hướng dẫn khách hàng cách sử dụng và lắp đặt đối với những sản phẩm hiện đại.

Một yếu tố có tính chất quyết định đối với sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp đó là thái độ của chủ doanh nghiệp trước các nhu cầu của thị trường, chủ doanh nghiệp, năng động sáng tạo và có khả năng ngoại giao tốt.

Sẽ rất thiếu sót nếu như không đề cập đến các chính sách, những công cụ mà nhà nước sử dụng để đảm bảo cho các doanh nghiệp đạt lợi nhuận cao:

Nhà nước thiết lập các khuôn khổ luật pháp để tạo ra những điều kiện cần thiết cho hoạt động kinh tế. Nhà nước tạo ra hành lang pháp luật cho các hoạt động kinh tế bằng cách đặt ra các điều luật cơ bản về quyền sở hữu tài sản và sự hoạt động của thị trường, đặt ra những quy định chi tiết cho hoạt động của các doanh nghiệp. Đảm bảo ổn định, về chính trị xã hội, cũng là biện pháp để Nhà nước tạo điều kiện cho doanh nghiệp thu lợi nhuận.

Nhà nước thông qua các chính sách tài chính tiền tệ và tín dụng để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả thu lợi nhuận cao.

Nhà nước xây dựng kết cấu hạ tầng cho nền kinh tế, sản xuất ra các hàng hoá công cộng, thực hiện công bằng xã hội tạo điều kiện cho giới kinh doanh làm ăn có hiệu quả.

### **c. Sự khác nhau giữa lợi nhuận của các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường Việt Nam.**

Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, để theo đuổi mục đích thu lợi nhuận cao các nhà tư bản sẵn sàng dùng các biện pháp cưỡng bức kinh tế và cưỡng bức siêu kinh tế đối với công nhân. Nhà tư bản thu được lợi nhuận càng nhiều tư bản của họ càng lớn lên càng nhanh năng lực chèn ép đối thủ cạnh tranh càng mạnh. Trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa dựa vào việc tăng cường bóc lột nhân dân lao động chiếm được một phần lợi nhuận trong tay giai cấp tư sản hạng trung cướp bóc các nước kém phát triển và các nước thuộc địa và dựa vào quân sự để đảm bảo lợi nhuận độc quyền cao.

Kinh tế thị trường Việt Nam cũng nhằm mục đích thu lợi nhuận. Lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường Việt Nam không phải là kết quả của việc bóc lột sức lao động không phải là quan hệ người bóc lột người như trong chủ nghĩa tư bản, vì tư liệu sản xuất thuộc sở hữu xã hội. Lợi nhuận là số chênh lệch giữa giá cả sản phẩm và giá thành sản phẩm của xí nghiệp. Nếu trong giá cả sản phẩm bao gồm cả thu nhập thuần túy tập trung của Nhà nước (dưới hình thức thuế chu chuyển) thì số chênh lệch giữa giá cả hàng hoá và giá thành của nó phải trừ đi thuế chu chuyển. Số

còn lại là lợi nhuận. Do đó trong điều kiện giá cả nhất định, lợi nhuận trực tiếp phản ánh sự biến động của giá thành sản phẩm. Một phần lợi nhuận được giữ lại ở xí nghiệp để mở rộng sản xuất cải thiện điều kiện sinh hoạt và xã hội của công nhân viên chức cũng như để làm tiền thưởng, phần lợi nhuận còn lại thì nộp vào ngân sách Nhà nước dùng cho nhu cầu toàn quốc.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu vấn đề phạm trù lợi nhuận giúp cho tôi có một cách nhìn sâu sắc hơn về nguồn gốc bản chất của lợi nhuận và hệ thống được các quan điểm về lợi nhuận của các trường phái kinh tế từ trước chủ nghĩa Mác đến thời kỳ chủ nghĩa Mác. Lợi nhuận không phải là vấn đề cổ xưa mà nó là vấn đề kinh tế tồn tại mà chừng nào sản xuất còn mang hình thái hàng hoá. Đặc biệt đối với nước ta hiện nay vấn đề lợi nhuận cần được quan tâm. Nghiên cứu vấn đề lợi nhuận giúp tôi phân biệt lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường Việt Nam và lợi nhuận trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường là một thứ dầu nhờn là động lực chi phối hoạt động. Lợi nhuận là chỉ tiêu rất quan trọng nó phản ánh toàn bộ hoạt động kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ lúc bắt đầu tìm kiếm thị trường cho tới khâu bán sản phẩm hàng hoá. Lợi nhuận là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh cả về mặt lượng và mặt chất của quá trình sản xuất kinh doanh.